

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **219/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 19-7-2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hà Hữu Bình.

2. Bà Lý Thuý Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thuý Tình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang** tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2021/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2021, về *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **ĐÀO THỊ HỒNG L**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Anh **CHU ĐĂNG H**, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 104/57 Tân Lập B, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng.

(chị L và anh H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện; Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị **ĐÀO THỊ HỒNG L** trình bày: Tôi và anh **CHU ĐĂNG H** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Lô, huyện Yên Sơn (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 31 tháng 7 năm 1999; hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2005 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2005 do mâu thuẫn vợ chồng quá căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và làm ăn kinh tế.

Tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng kéo dài, thực tế tôi và anh H sống ly thân từ năm 2005 đến nay, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh **CHU ĐĂNG H** theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Tôi và anh H có 01 người con chung là cháu Chu Diệu L, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1998. Do cháu Chu Diệu L đến nay đã trên 18 tuổi, có công việc làm riêng, nên tôi không yêu cầu Toà án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản chung: Tôi và anh CHU ĐĂNG H không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và anh CHU ĐĂNG H không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn anh CHU ĐĂNG H trình bày tại Biên bản tự khai có lưu trong hồ sơ vụ án (Bút lục số 35): Tôi và chị ĐÀO THỊ HỒNG L được tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Lô, huyện Yên Sơn (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 31 tháng 7 năm 1999. Năm 2000 vì công việc nên tôi về sinh sống tại thành phố Đà Nẵng. Năm 2002 tôi muốn đưa vợ con vào thành phố Đà Nẵng sinh sống, nhưng chị L không vào, nên vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Tôi và chị L có 01 người con chung là cháu Chu Diệu L, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1998. Do cháu Chu Diệu L đến nay đã trên 18 tuổi, có công việc làm riêng.

Về tài sản chung: Tôi và chị ĐÀO THỊ HỒNG L không có.

Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung: Tôi và chị ĐÀO THỊ HỒNG L không có.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ chị L cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn đề ngày 31/7/1999 của Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Lô, huyện Yên Sơn (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, cấp mang tên chồng CHU ĐĂNG H và mang tên vợ ĐÀO THỊ HỒNG L.

- 01 Trích lục khai sinh mang tên Chu Diệu L, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1998.

- 01 (Một) bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên ĐÀO THỊ HỒNG L.

- 01 (Một) bản sao Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ ĐÀO THỊ HỒNG L.

- 01 (Một) Đơn xin xác nhận nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của anh CHU ĐĂNG H, đề ngày 20/4/2021, có xác nhận của UBND phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- 01 (Một) Đơn thoả thuận Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa ĐÀO THỊ HỒNG L với CHU ĐĂNG H, đơn đề ngày 17/5/2021.

Anh CHU ĐĂNG H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị ĐÀO THỊ HỒNG L được biết: Chị Đào Thị Hồng và anh CHU ĐĂNG H có đăng ký kết hôn năm 1999. Sau khi kết hôn chị L chủ yếu sinh sống ở tổ dân phố 12, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, anh H thường đi làm ăn xa thì thoảng mới về thăm vợ con rồi lại đi luôn. Kể từ năm 2005 đến nay anh H ít khi xuất hiện ở địa phương. Nay chị L xin ly hôn với anh H, địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Về con chung chị L và anh H có 01 người con chung là cháu Chu Diệu L, sinh năm 1998, hiện nay đã trưởng thành. Về tài sản chung, vay nợ chung chị L và anh H không có.

Quá trình giải quyết vụ án, do chị L và anh H đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt, nên không hòa giải cho chị L và anh H theo quy định của pháp luật được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh

Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

\* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị ĐÀO THỊ HỒNG L được ly hôn với anh CHU ĐĂNG H.

- Về án phí: Chị ĐÀO THỊ HỒNG L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh CHU ĐĂNG H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị ĐÀO THỊ HỒNG L và anh CHU ĐĂNG H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Lô, huyện Yên Sơn (nay là phường A, thành phố T), tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 31 tháng 7 năm 1999, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2005 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2005 do mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc, nên vợ chồng sống ly thân. Căn cứ vào đơn khởi kiện; Đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị L và anh H có mâu thuẫn căng thẳng, đòi sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân từ khoảng cuối năm 2005 đến nay, nên chấp nhận toàn bộ đơn và yêu cầu của chị L là được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 01 người con là cháu Chu Diệu L, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1998. Xét thấy cháu Chu Diệu L tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người đã trên 18 tuổi, có việc làm riêng; chị L và anh H không có tranh chấp gì, nên không giải quyết khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung chị L và anh H đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung chị L và anh H đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

[7] Chị Duyên và anh H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207; 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **\* Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị ĐÀO THỊ HỒNG L được ly hôn với anh CHU ĐĂNG H.

**2. Về án phí:** - Chị ĐÀO THỊ HỒNG L phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001051 ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Chị ĐÀO THỊ HỒNG L đã nộp đủ tiền án phí.

- Anh CHU ĐĂNG H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Chị ĐÀO THỊ HỒNG L và anh CHU ĐĂNG H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND P. An Tường (nơi ĐKKH);
- UBND P. Vĩnh Trung, quận T, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Anh Tuấn**

